TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ỨNG HÒA - TP HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2019/QĐST-DS	*Ứng Hòa, ngày 15 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 02/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

****Nguyên đơn***: Ngân hàng TMCP V (V)

Địa chỉ trụ sở: Số 89 L, phường L1, quận Đ, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Duy T, ông Phạm văn T1 và ông Mai Đắc N – Đều là cán bộ V (Theo văn bản ủy quyền số 3403/2019/UQ-VPB ngày 01 tháng 4 năm 2019)

Bị đơn: Ông Nguyễn Thế H – sinh năm 1980

Bà Nguyễn Thị L3 – sinh năm 1982

Nơi ĐKHKTT: Thôn Đ, xã H1, huyện Ư, thành phố Hà Nội.

**** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Cụ Bùi Thị K – sinh năm 1928

2.Ông Nguyễn Thế C – sinh năm 1954

3. Bà Nguyễn Thị D – sinh năm 1955

4. Cháu Nguyễn Ngọc L4 – sinh ngày 10/8/2007

5. Cháu Nguyễn Thế D1 – sinh ngày 02/11/2012

Người đại diện hợp pháp cho cháu L4, cháu D1 là ông Nguyễn Thế H và bà Nguyễn Thị L3.

Đều có nơi ĐKHKTT: Thôn Đ, xã H1, huyện Ư, Thành phố Hà Nội.

(Bà L3, cụ K, ông C, bà D đều có văn bản ủy quyền cho ông H ngày 28/12/2018)

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Xác nhận nợ: Bị đơn, vợ chồng ông Nguyễn Thế H và Nguyễn Thị L3 xác nhận ngày 13/07/2012, ông bà ký Hợp đồng tín dụng số LD1219500045 với Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi tắt là V) vay số tiền là 800.000.000 đồng; cùng ngày 13/7/2012 ông H, bà L3 đã được V giải ngân 800.000.000đ theo Khế ước nhận nợ số LD1219500045. Tiếp đến ngày 15/04/2013, ông bà ký Hợp đồng tín dụng số 08042013-023-CN với V để vay số tiền là 500.000.000 đồng; cùng ngày 15/4/2013 ông H, bà L3 đã được V giải ngân 500.000.000đ theo Khế ước nhận nợ số : 01. Ông H và bà L3 đã trả được cho V tổng cộng 636.505.615đ của hai Hợp đồng tín dụng (trong đó số tiền gốc là 369.185.961đ, tiền lãi là 267.319.645đ). Nay ông H, bà L3 xác nhận hiện còn nợ V, về lãi suất tạm tính đến ngày 09/4/2019 cụ thể:

+ Nợ gốc: 930.814.039 đồng
+ Nợ ltrong hạn: 43.724.637 đồng
+ Nợ lãi quá hạn: 998.621.007 đồng
Tổng cộng: **1.973.159.683 đồng**

(*Một tỷ chín trăm bảy mươi ba triệu một trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm tám mươi ba đồng*)

2.2 Các bên thống nhất thỏa thuận về phương thức thanh toán, cụ thể:

Ông Nguyễn Thế H và bà Nguyễn Thị L3 pH có trách nhiệm thanh toán trả cho V thành 03 kỳ trả nợ cụ thể như sau:

+ Kỳ1: Đến ngày 30/5/2019 ông Nguyễn Thế H và bà Nguyễn Thị L3 pH thanh toán V số tiền 430,814.039 đồng*(Bốn trăm ba mươi triệu tám trăm mười bốn nghìn không trăm ba mươi chín đồng)*.

+ Kỳ 2: Đến ngày 30/6/2019 ông Nguyễn Thế H và bà Nguyễn Thị L3 pH thanh toán V số tiền 500.000.000 đồng*(Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng)*.

+ Kỳ 3: Đến ngày 30/7/2019 ông Nguyễn Thế H và bà Nguyễn Thị L3 pH thanh toán V toàn bộ số tiền nợ còn lại là 1.042.345.644 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất kể từ ngày 10/4/2019 theo hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết(Có sự điều chỉnh tăng, giảm theo từng thời kỳ của Ngân hàng V) trên số dư nợ gốc tương ứng với thời gian chậm trả.

Toàn bộ số tiền khi ông H, bà L3 thanh toán, Ngân hàng V thu vào nợ gốc trước.

Trường hợp ông H, bà L3 thanh toán toàn bộ khoản nợ cho V, V có nghĩa vụ pH giải chấp tài sản thế chấp cho ông Nguyễn Thế H, bà Nguyễn Thị L3.

Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ thanh toán không đầy đủ bất kỳ một kỳ trả nợ nào thì Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi nợ cho V, tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với thửa đất số 148, tờ bản đồ số 2, diện tích 248,4m^2 tại địa chỉ: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 18, tờ bản đồ 04 thôn Đanh Xuyên (tức thôn Đinh Xuyên), xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

T 364304 do UBND huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội cấp ngày 13/04/2004, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0277.QSDĐ, đăng ký sang tên cho ông Nguyễn Thế H tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Ứng Hòa ngày 23/04/2012. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 3738.2012/HĐTC ký ngày 09/07/2012 và Phụ lục Hợp đồng thế chấp số công chứng 1804/2013/HĐTCSĐ tại Phòng công chứng số 03, thành phố Hà Nội.

Trường hợp số tiền sau khi phát mại tài sản không đủ trả nợ thì bị đơn có nghĩa vụ tiếp tục trả V cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ. Nếu phát mại tài sản thế chấp giá trị lớn hơn khoản nợ thì số tiền chênh lệch pH trả lại cho chủ sở hữu tài sản.

2.3 Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Ghi nhận sự thỏa thuận của V với ông Nguyễn Thế H và bà Nguyễn Thị L3 về án phí dân sự sơ thẩm. Ông H, bà L3 tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự 35.597.000 đồng; được giảm theo đơn hoàn cảnh kinh tế khó khăn, số tiền còn pH nộp án phí dân sự sơ thẩm là 26.698.000.đ (Hai mươi sáu triệu sáu trămchín mươi tám nghin đồng chẵn).

Trả lại Ngân hàng TMCP Vệt Nam Thịnh Vượng số tiền 37.077.000đ (Ba mươi bảy triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008946 ngày 17 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ứng Hòa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hòa;
- Chi cục THADS huyện Ứng Hòa;
- Đương sự;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Bích Hằng